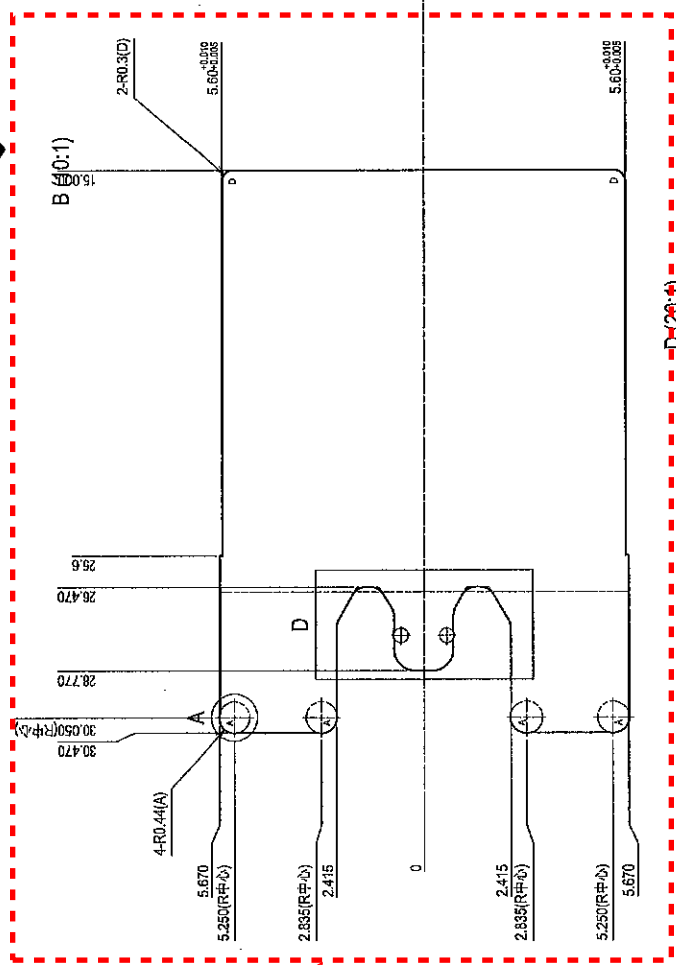
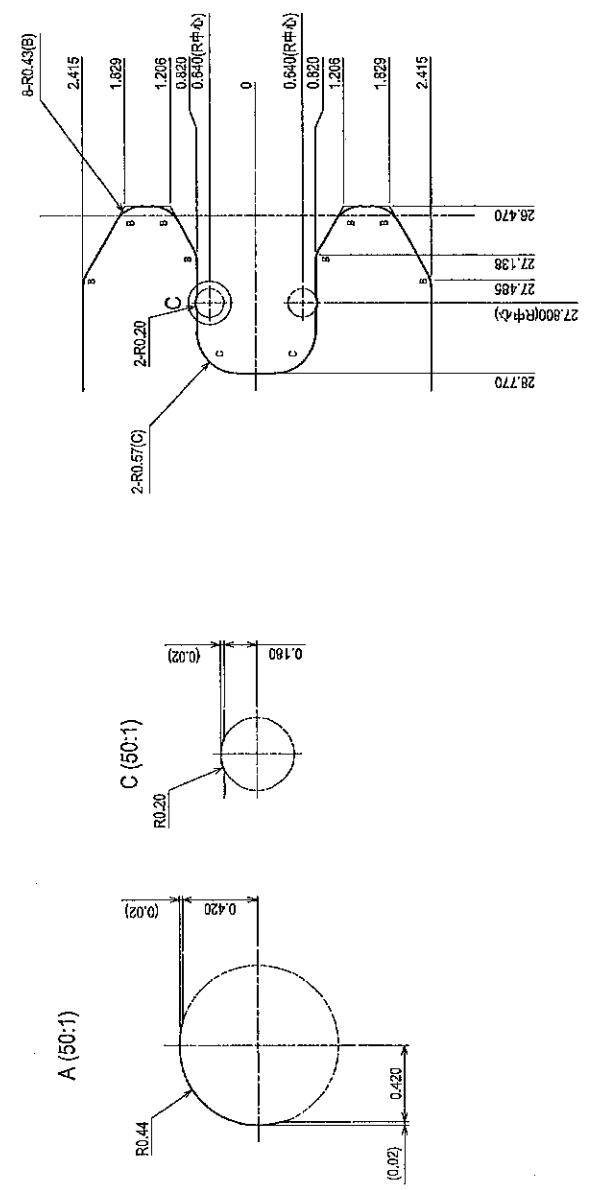
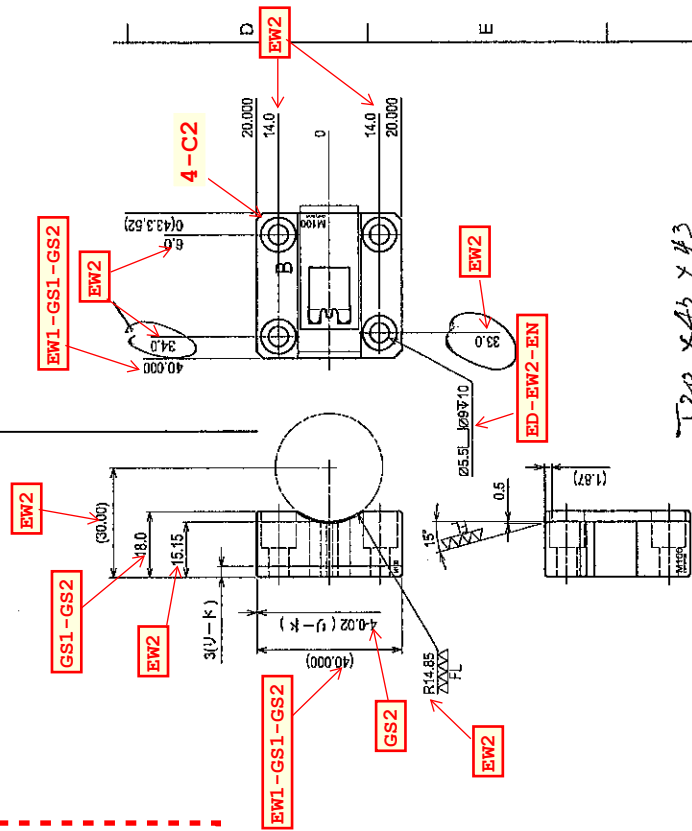


4141050282.R103976 - GIA CONG - 15/08/2021 05 0282

SECTION	REF. NO.	SPANS	SCHED.	CUTTING TO TOLERANCE
		MATERIAL	(inches)	0.0000 ± 0.0007 0.0020 "H"
				0.0000 ± 0.0001 0.0000 "H"
				0.000 ± 0.021 0.000 "H"
				0.0 ± 0.011 0.008 "H"
				0. ± 0.012 0.0 "H"
				0.0 ± 0.0 "H"
				0.0 ± 0.0 "H"
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED				
FINISH MARKS				



EW2 ok biên
dạng=>GS2 canh
lại vị trí



DSG.NO.	CHKD.	TITLE	PARTS NAME
K.Kamakura	K.INDEI	部品図 部品名	クイ
QUINCHIEMER	SURFACE	PART DRAWING	OIE
HRC 0 - 0 *		下模 下部図	下模
MATERIAL	DATE	SCALE	DWS No.
WC(D90HP)	2017/07/21	1:1	R103976

SNO: **R103976**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: WCD30 T20*42*42	EW1:60 GS1:40 ED:60 EW2:250 GS2:120 EN:900 EW3:75 KT